

Cuulong SeaPro
cares your taste

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
CTCP Thủy sản Cửu Long



Cuulong SeaPro
cares your taste

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

NỘI DUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Thông tin khái quát
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Lĩnh vực hoạt động
- Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu
- Sơ đồ tổ chức
- Mục tiêu và định hướng tương lai
- Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch kinh doanh năm 2018
- Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

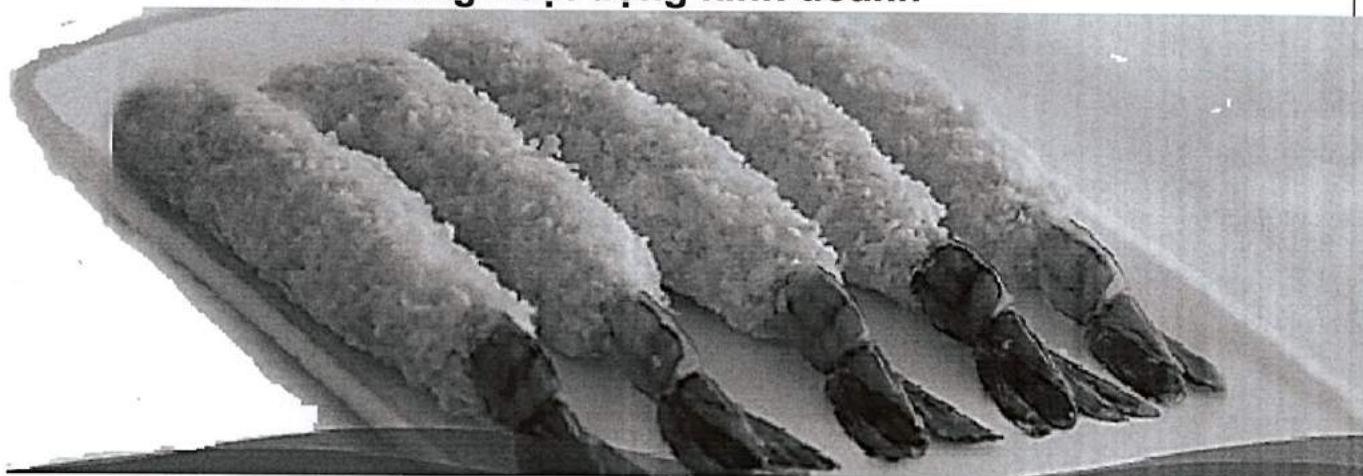
Lĩnh vực hoạt động

Những giải thưởng, sản phẩm tiêu biểu

Sơ đồ tổ chức

Mục tiêu và định hướng tương lai

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh



Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Địa chỉ : 36 Bạch Đằng, Phường 4, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0294. 3852321 / 3852236 / 3852052 / 3853390

Fax : 0294. 3852078

E-mail : ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn

Website : www.cuulongseapro.vn

Công ty CP Thủy sản Sao Biển

Địa chỉ: Khóm I, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ngành nghề: Chế biến các loại chả cá biển đông lạnh

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Lĩnh vực hoạt động

Chế biến, thu mua các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản;

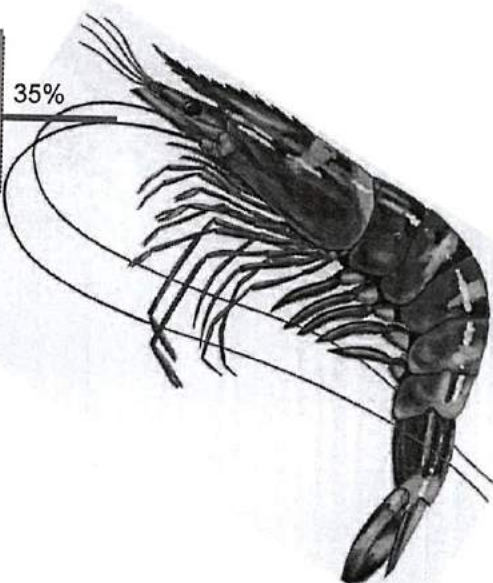
Sản xuất thức ăn thủy sản;

Kinh doanh các loại giống thủy sản, thức ăn thủy sản;

Nuôi trồng các mặt hàng thủy hải sản và nông súc sản;

Sản xuất các loại giống thủy sản;

Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản, nông súc sản.



Lịch sử hình thành và phát triển

1992

1

Chuyển thành tên là Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh theo quyết định số 423/QĐ-UBT ngày 22/10/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh từ tên ban đầu là Công ty Hải sản tỉnh Cửu Long. Khi đó chỉ có 1 phân xưởng chế biến với công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm.

07/2003

Công ty Thủy sản Cửu Long đã tiến hành cổ phần hóa và hoàn tất vào đầu năm 2005, đổi tên thành CTCP Thủy sản Cửu Long

4

2000

2

Đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến II, nâng năng lực sản xuất lên 4.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty đã chế biến được các mặt hàng giá trị gia tăng

2003

3

Đưa vào hoạt động kho lạnh 300 tấn, nâng cấp phân xưởng chế biến I. Năng lực sản xuất tăng lên 6.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty cũng đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, GMP, BRC, ISO 9001:2000»

Cuulong SeaPro
cares your taste

4

2007

5

Nâng tổng công suất kho lạnh lên 1.500 tấn. Hệ thống kho trữ đông luôn bảo đảm chất lượng thành phẩm theo đúng tiêu

2009

7

Nâng cấp phòng thí nghiệm và được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 (Mã số: VILAS 365), đồng thời nâng cấp phiên bản ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008.

2008

6

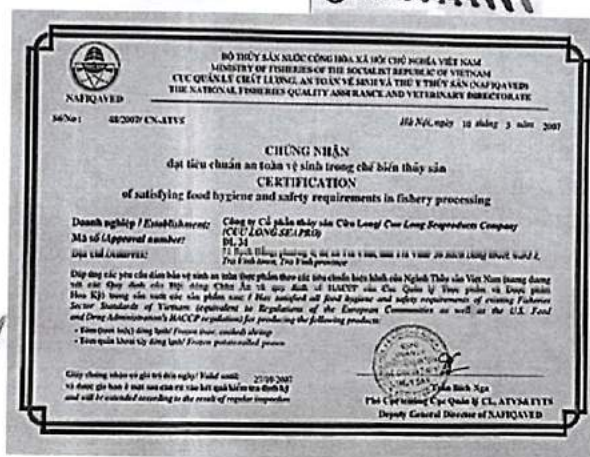
Đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến III, chuyên chế biến các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng, nâng năng lực sản xuất lên 10.000 tấn sản phẩm/năm.

15/11/2012

8

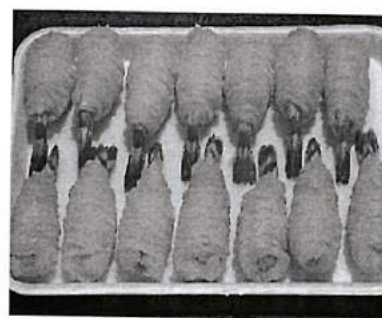
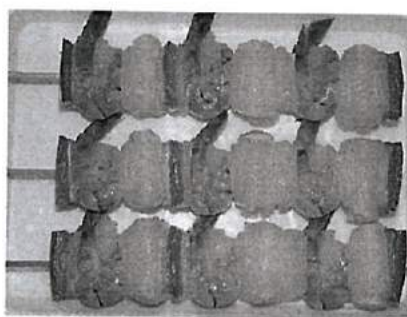
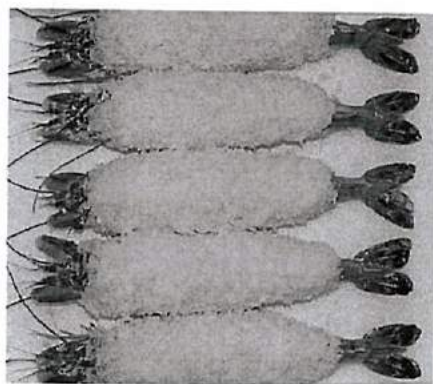
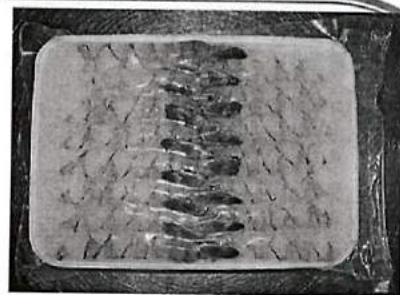
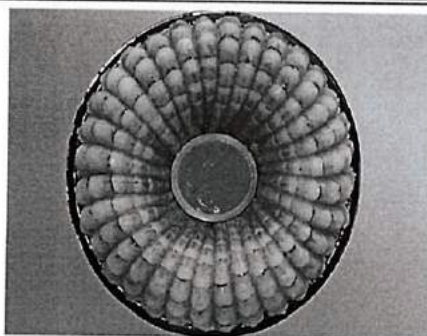
Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán là CLP. Và đã bị hủy niêm yết theo quyết định số 162/QĐ-SGDHCM Ngày 15/04/2014 của SGDCK Tp.HCM.

Các giải thưởng tiêu biểu



Cuulong SeaPro
cares your taste

Các sản phẩm tiêu biểu

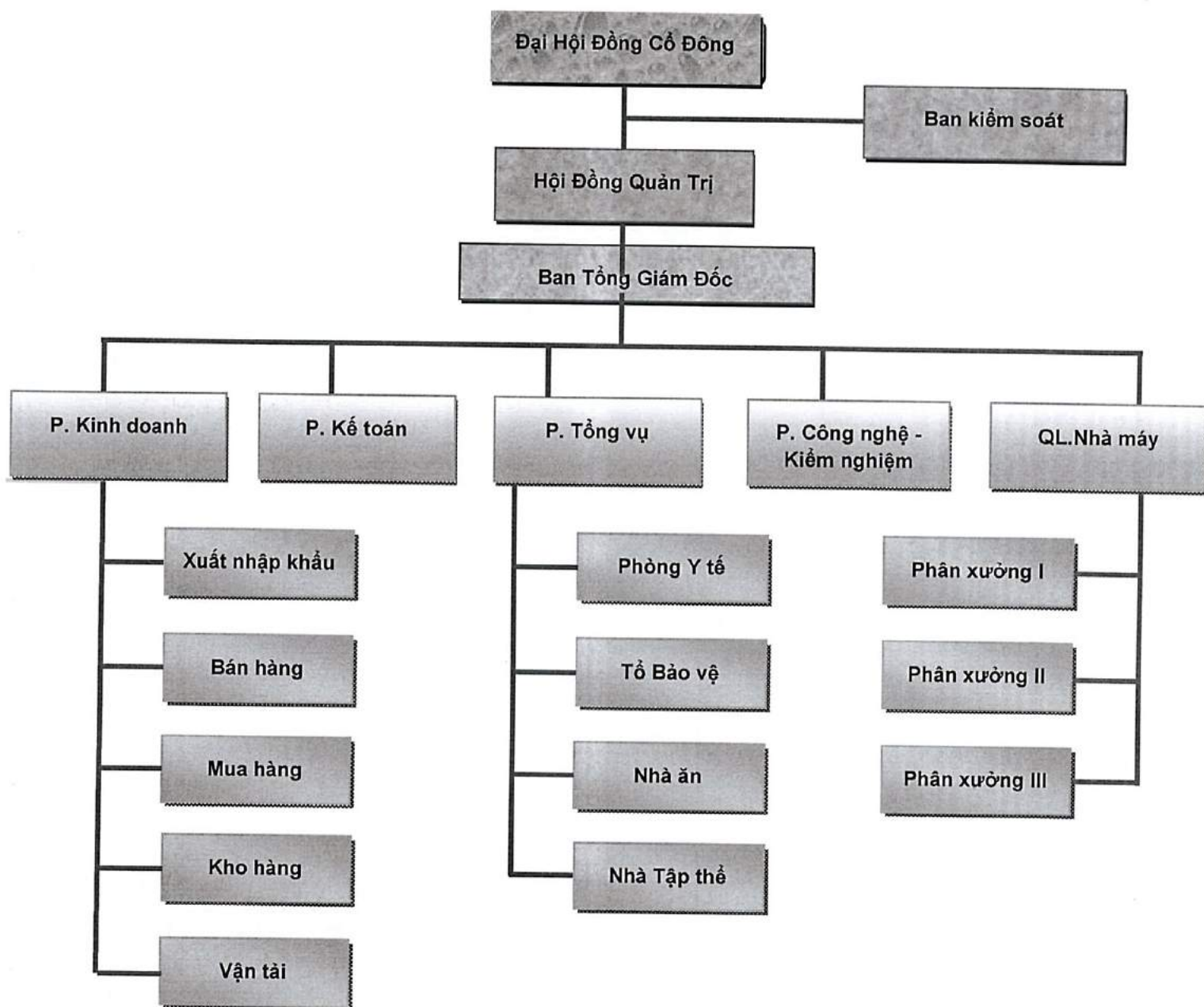


Tôm tẩm bột

Tôm cá, rau củ xiên que

Tôm cuộn khoai tây

Sơ đồ tổ chức



Mục tiêu và định hướng trong tương lai

Các mục tiêu chủ yếu

**Xây dựng thành công thương hiệu
Cuulong Seapro trên thị trường xuất khẩu**

**Tập trung vào ngành nghề sản xuất chính
sản xuất chế biến tôm xuất khẩu**

Chiến lược phát triển

Đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh

**Giữ vững danh hiệu doanh nghiệp xuất khẩu uy tín và
cố gắng đưa vị thế của Cuulong Seapro lên Top 10
các nhà chế biến tôm và xuất khẩu tại Việt Nam**



Rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Các rủi ro về kinh tế

Hoạt động xuất khẩu của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, Nhật, EU. Trong năm 2017, do ảnh hưởng của tình hình kinh tế nên sức mua giảm tại thị trường Mỹ, EU giảm mạnh.

Rủi ro về lãi suất

Đặc trưng của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp thủy sản nói chung, nợ vay thường chiếm tỷ lệ cao nhằm đảm bảo đủ vốn lưu động trong kinh doanh. Do đó, biến động của lãi suất sẽ tác động mạnh đến chi phí hoạt động của Công ty, làm thay đổi lớn kết quả lợi nhuận.

Rủi ro nguồn tôm nguyên liệu

Hoạt động sản xuất, xuất khẩu của công ty phụ thuộc lớn vào nguồn tôm nguyên liệu. Tuy nhiên, tôm là loài động vật thân mềm với sức đề kháng yếu nên thường dễ mắc các mầm bệnh từ bên ngoài và chết. Năm 2017 vẫn là một năm khó khăn cho ngành thủy sản, đặc biệt là lĩnh vực nuôi trồng do hội chứng tôm chết sớm EMS vẫn còn chưa khống chế được nên vẫn còn đó những thách thức về việc thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tôm xuất khẩu, làm cho giá thành sản xuất tăng cao, khả năng cạnh tranh giảm.

Rủi ro từ các rào cản thương mại

Thông qua các qui định của pháp luật, các nước nhập khẩu tôm của Công ty thường xuyên áp đặt các rào cản thương mại để hạn chế dòng chảy các mặt hàng tôm của Việt Nam với mục đích bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước họ. Điển hình cho hành động này là Mỹ, với việc giám sát chặt chẽ mặt hàng tôm Việt Nam xuất sang nước này thông qua các vụ kiện chống bán phá giá, gây rủi ro cho hoạt động xuất khẩu của Công ty sang thị trường trọng điểm Mỹ nếu mức thuế bị nâng lên trong tương lai.

Ngoài vấn đề chống bán phá giá, các doanh nghiệp tôm Việt Nam cũng đang bị kiện “chống trợ cấp” từ một nhóm Công ty Mỹ. Nếu DOC xác định các doanh nghiệp tôm Việt Nam có nhận được “các khoản trợ cấp” không chính đáng từ chính phủ Việt Nam và USITC xác nhận có thiệt hại cho doanh nghiệp nuôi tôm Mỹ, thì các doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị áp một khoản “thuế chống trợ giá” bổ sung trên hàng nhập khẩu vào Mỹ, làm tăng chi phí xuất khẩu tôm sang Mỹ, gây khó khăn hơn cho xuất khẩu tôm sang thị trường này. Có thể thấy, các rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu là rủi ro tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các hàng rào kỹ thuật

Tôm là một nguồn thực phẩm quan trọng được xuất khẩu đi tiêu thụ chủ yếu ở các nước phát triển (Nhật, Mỹ, EU, Canada, Hàn Quốc...) nên vấn đề chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được các nước quản lý gắt gao, phần nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, phần nhằm tạo ra các “hàng rào kỹ thuật” để hạn chế sản lượng tôm nhập khẩu vào nước họ. Nổi bật nhất trong vấn đề này là các rào cản, qui định về nhóm kháng sinh Enrofloxacin/Ciprofloxacin, chất chống oxy hóa Ethoxyquin đối với sản phẩm tôm khi xuất khẩu vào Nhật. Điều này gây “đau đầu” cho doanh nghiệp tôm và các cơ quan chức năng của ngành, khiến xuất khẩu tôm của Việt Nam nói chung và Cửu Long nói riêng sang Nhật bị ảnh hưởng đến quá trình SXKD của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

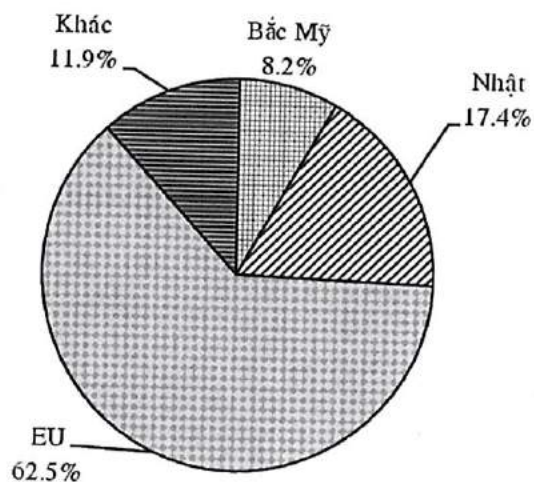
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

<i>Đơn vị: triệu đồng, tấn, triệu usd</i>	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	% TH2017/ KH 2017	%2017/ 2016
Tổng tài sản	-	448,477.12	197,785.07		227%
Sản lượng sản xuất (tấn)	3,900.00	4,788.05	3,196.83	123%	150%
Sản lượng tiêu thụ	3,900.00	3,595.32	2,669.79	92%	135%
Kim ngạch xuất khẩu	38.00	33.92	24.75	89%	137%
Doanh thu thuần	850,000.00	931,499.08	617,000.34	110%	151%
Lợi nhuận từ HĐKD	30,000.00	15,802.60	12,825.13	53%	123%
Lợi nhuận khác	-	17,264.24	1,825.21		0%
Lợi nhuận trước thuế	30,000.00	33,066.84	14,650.34	110%	226%
Lợi nhuận sau thuế	25,500.00	32,879.81	13,511.78	129%	243%

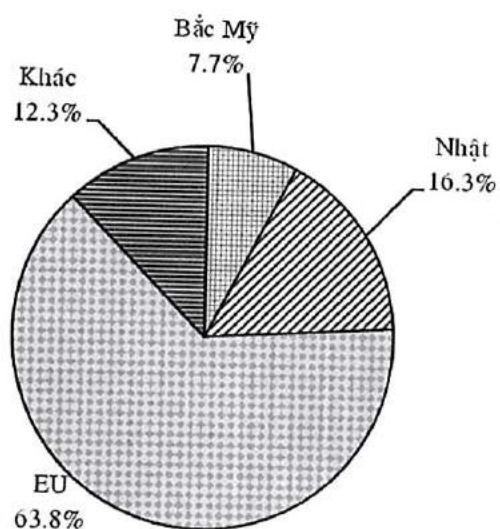
Cơ cấu sản lượng và kim ngạch xuất khẩu năm 2017

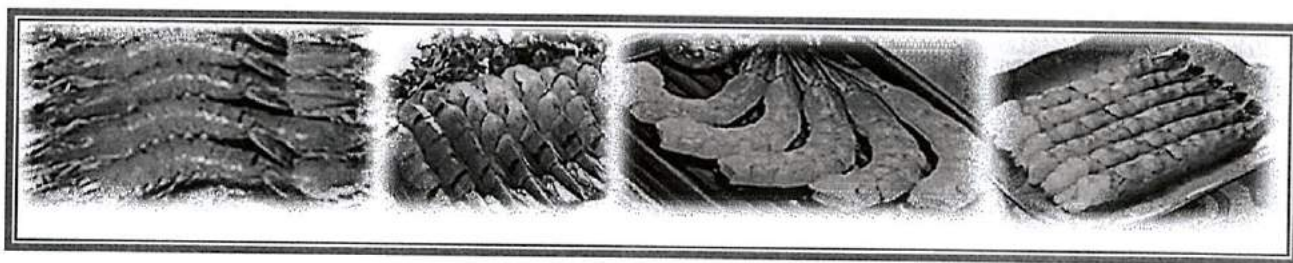
Chỉ tiêu	Bắc Mỹ	Nhật	EU	Khác	Tổng
Sản lượng (Tấn)	240.69	513.20	1,840.42	350.75	2,945.06
Kim ngạch (1.000 USD)	2,603.08	5,530.41	21,632.27	4,156.93	33,922.69

SẢN LƯỢNG



KIM NGẠCH





Tổ chức và nhân sự

Các thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

1995 - 1997: Văn phòng đại diện của Nichimen Corporation.

1997 - 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm Đà Lạt – Nhật Bản.

2000 – nay: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh.

30/03/2010 đến 24/04/2016 : Thành viên HĐQT Cty CP Thủy sản Cửu Long.

25/04/2016 – nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Cty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: 673.300 cổ phiếu, chiếm 8,42% vốn điều lệ

Ông: Trương Thanh Tân

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: Trần Thanh Lễ

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ Thực phẩm

Quá trình công tác:

10/1986 - 12/1989: Tổ trưởng KCS Nhà máy Đông lạnh 2/9.

01/1990 - 11/1990: Phó ban điều hành sản xuất Nhà máy Đông lạnh 2/9.

12/1990 - 12/1995: Phó quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9

01/1996 - 12/1997: Quyền quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/1998 - 12/2001: Phó ban công trình nâng cấp và mở rộng Nhà máy Đông lạnh 2/9 Công ty Thủy sản Cửu Long.

01/2002 - 04/2003: Quản đốc Nhà máy Đông lạnh 2/9 Cty Thủy sản Cửu Long.

01/05/2003 - 15/05/2003: Trưởng phòng kinh doanh Cty Thủy sản Cửu Long.

19/05/2003 - 14/03/2005: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

15/03/2005 – 02/8/2013: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP Thủy sản Cửu Long.

02/8/2013 – 27/04/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cửu Long (miễn nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT theo Thông tư 121/2012/TT-BTC).

28/04/2016 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cửu Long, thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: cá nhân nắm giữ 213.741 cổ phiếu, chiếm 2.67% vốn điều lệ

Ông: Nguyễn Văn Thiện

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Trình độ văn hóa: 12/12

Quá trình công tác:

Tháng 12/2007 – Tháng 08/2015 : Tổ phó tổ thống kê Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Tháng 09/2015 – Tháng 12/2016 Tổ trưởng tổ thống kê Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Tháng 01/2017 – nay: trưởng phòng tổng vụ Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Tháng 06/2017 - nay: thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: cá nhân nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ Thực phẩm

Quá trình công tác:

01/04/2002 – 19/05/2005: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty Thủy sản Cửu Long.

20/05/2005- 30/10/2011: Trưởng quản lý chất lượng Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

31/11/2011 – 27/07/2015: Phó giám đốc nhà máy chế biến Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

28/07/2015 – 12/05/2016: Phó trưởng phòng công nghệ kiểm nghiệm Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

13/05/2016 – nay: Giám đốc nhà máy chế biến Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Tháng 06/2017 – nay: thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: cá nhân nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà: Huỳnh Văn Hương

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Ông Trần Thanh Lễ - Tổng Giám Đốc (thông tin như đã nêu ở trên).

Ông: Nguyễn Đông Hải

Chức vụ: PTGD kiêm kế toán trưởng Công ty

Trình độ chuyên môn: Đại học quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Năm 1996 - 1998: nhân viên thống kê tổng hợp phòng kinh doanh Công ty Thủy sản Cửu Long.

Năm 1999: Trợ lý giám đốc Công ty Thủy sản Cửu Long.

Năm 2000 – 2006: Phó phòng kinh doanh Công ty Thủy sản Cửu Long.

Năm 2007: Trợ lý giám đốc Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

Năm 2008 – 2011: Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

Năm 2012 – 2013: Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

Năm 2014 – 2016: Phó giám đốc Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

Năm 2017 – nay: Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng Công ty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: cá nhân nắm giữ 10.260 cổ phiếu, chiếm 0.13% vốn điều lệ

Các thành viên Ban Kiểm Soát

Bà: Phan Thị Tiến

Chức vụ: Trưởng ban
BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán – Kiểm toán

Quá trình công tác:

Tháng 07/2006 – Tháng 12/2013: Phụ trách kế toán trưởng Cty TNHH TMDV Kỹ thuật Kim.

Tháng 01/2014 – nay: Kế toán trưởng Cty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh.

Từ tháng 01/2017 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát Cty CP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Trình độ chuyên môn: Đại học quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2007 - 2016: Nhân viên kế toán Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

2017 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn, Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Thủy sản Cửu Long.

Cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

Bà: Nguyễn Phương Thảo

Chức vụ: Thành viên BKS

Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
Theo tính chất hợp đồng lao động	
Hợp đồng có xác định thời hạn	277
Hợp đồng không xác định thời hạn	339
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0
Tổng cộng	616
Theo trình độ lao động	
Trên đại học	0
Đại học	34
Cao đẳng – Trung cấp	68
Phổ thông	514
Tổng cộng	616

Số lượng và thu nhập bình quân người lao động qua các năm (đồng/người/tháng)

Năm	Mức lương bình quân
2010	2.856.000
2011	3.160.000
2012	3.333.000
2013	3.909.000
2014	4.174.000
2015	4.961.000
2016	5.211.000
2017	5.926.000

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long đều có hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Cửu Long thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận văn phòng và bộ phận sửa chữa làm việc giờ hành chính. Riêng bộ phận vận hành máy làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng. Bộ phận bảo vệ và IQF trực ca không quá 12h/ngày.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động. Trường hợp tôm nguyên liệu nhiều cần giải phóng kho bãi, tránh ú đọng, Ban lãnh đạo có thể thỏa thuận với Chủ tịch công đoàn sắp xếp cho người lao động tiếp tục làm việc và bố trí nghỉ bù vào ngày khác.

Công ty thực hiện những chế độ phúc lợi như: nghỉ lễ, Tết, nghỉ thai sản, hậu sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng quy định Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty còn giải quyết tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu. Công ty tham gia đóng BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Chính sách đào tạo

Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ, đào tạo ngoài theo yêu cầu của các bộ phận và đề nghị của bộ phận nhân sự như: các lớp học về trình độ nghiệp vụ xuất nhập khẩu, kế toán, marketing, các lớp về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, các lớp về nâng cao năng lực quản lý của cán bộ cao cấp của Công ty và các khóa học khác.

Chính sách lương, thưởng:

Công ty trả lương dựa trên thang bảng lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng của các đơn vị cùng ngành nghề, theo cơ chế khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

Hàng năm Công ty đều xem xét và nâng đơn giá tiền lương cho khối trực tiếp sản xuất và nâng mức lương khoán đối với khối văn phòng để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định và ngày càng cao cho người lao động.

Hàng năm, Công ty tổ chức bình xét khen thưởng theo xếp hạn, tiêu chí Công ty quy định dựa vào ngày công, năng suất, hiệu quả làm việc.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Không có khoản đầu tư lớn nào trong năm 2017

Tình hình kinh doanh của các Công ty con, Công ty liên kết

Công ty liên kết: Công ty CP Thủy sản Sao Biển

Doanh Thu: 677 triệu đồng

Lợi nhuận trước thuế: - 3.943 triệu đồng.

Năm 2017 tình hình sản xuất kinh doanh của Sao Biển không hiệu quả.

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng



Chỉ tiêu	2017	2016
Tổng giá trị tài sản	448.477	197.785
Doanh thu thuần	931.499	617.000
Lợi nhuận HĐKD	15.803	12.825
Lợi nhuận khác	17.264	1.825
Lợi nhuận trước thuế	33.067	14.650
Lợi nhuận sau thuế	32.880	13.512

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2016	31/12/2017
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81%	9%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19%	8%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả /Tổng Nguồn vốn	%	54%	76%
Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng Nguồn vốn	%	46%	24%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ-Tồn kho/Nợ ngắn hạn)	lần	0.83	0.64
Khả năng thanh toán hiện hành (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1.49	1.21
Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Tổng Nợ)	lần	1.84	1.32

Thông tin cổ đông

Cơ cấu cổ đông 2017

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
Cổ đông trong nước	8.000.000	100%
– Tổ chức	5.142.508	64.28%
– Cá nhân	2.857.492	35.72%
Cổ đông nước ngoài	0	0%
– Tổ chức	-	-
– Cá nhân	0	0%
Tổng cộng	8.000.000	100,00%

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ chốt ngày 29/11/2017

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy CNĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Công Nghệ Vĩnh Thanh	14 D9, đường Thảo Điền, Q2, TP.HCM	0302046586	2.996.613	37.46%
Công ty CP Đông lạnh Thủy sản Long Toàn	Khóm 2, Phường 1, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	2100311235	1.840.000	23.00%
Đoàn Thị Hòa	14D9 đường Thảo Điền, P. Thảo Điền, Q2, Hồ Chí Minh, Việt Nam	330678948	957,734	11.97%
Trương Thanh Tân	14D9 đường Thảo Điền, P. Thảo Điền, Q2, Hồ Chí Minh, Việt Nam	024687332	673,300	8.42%
Tổng cộng			6,467,647	80.85%

Trong năm 2017, Cty CP Thủy sản Cửu Long không thực hiện bất kỳ đợt phát hành tăng vốn nào, cũng như không tiến hành giao dịch cổ phiếu trong năm. Vốn điều lệ của Công ty vẫn duy trì ở mức 80 tỷ đồng.

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

<i>Đơn vị: triệu đồng, tấn, triệu usd</i>	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016	% TH2017/ KH 2017	%2017/ 2016
Tổng tài sản	448,477.12	-	197,785.07		227%
Sản lượng sản xuất (tấn)	4,788.05	3,900.00	3,196.83	123%	150%
Sản lượng tiêu thụ	3,595.32	3,900.00	2,669.79	92%	135%
Kim ngạch xuất khẩu	33.92	38.00	24.75	89%	137%
Doanh thu thuần	931,499.08	850,000.00	617,000.34	110%	151%
Lợi nhuận từ HĐKD	15,802.60	30,000.00	12,825.13	53%	123%
Lợi nhuận khác	17,264.24	-	1,825.21		0%
Lợi nhuận trước thuế	33,066.84	30,000.00	14,650.34	110%	226%
Lợi nhuận sau thuế	32,879.81	25,500.00	13,511.78	129%	243%

Một số tồn tại và nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch năm 2017

Tình hình nguyên liệu:

Giá cả biến động tăng cao hơn khi ký hợp đồng.

Tình hình xuất khẩu vào các thị trường chính:

Một trong những thị trường chính của công ty là Nhật Bản đã liên tục áp dụng nhiều quy định nhằm hạn chế sản lượng tôm nhập khẩu từ Việt Nam: nhóm kháng sinh Enrofloxacin/ Ciprofloxacin, Oxytetracylin, vấn đề này đã làm tăng chi phí kiểm nghiệm.

Thị trường Mỹ: chiếm trên 7.7% kim ngạch của công ty trong năm 2017, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế sức mua giảm, thêm vào đó tình hình tồn kho tương đối lớn tại Mỹ đã làm cho các nhà nhập không mua hàng.

Thị trường EU: Công ty đã tạo được vị thế về uy tín và chất lượng sản phẩm trong những năm vừa qua và đây là thị trường chính của công ty chiếm 63.8% kim ngạch xuất khẩu.

Tình hình lao động: Ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động tại địa phương đã tạo nên sự khan hiếm lao động vào những thời điểm chính vụ dẫn đến việc giảm sản lượng đáng kể. Mặc dù công ty có nhiều chính sách giữ chân người lao động nhưng đặc thù sản xuất của ngành đã không hấp dẫn phần lớn lao động trẻ hiện nay, xu hướng chuyển sang ngành nghề khác ngày càng cao.

Đa dạng hóa mặt hàng: việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của công ty còn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường đặc biệt là các sản phẩm giá trị gia tăng. Điều này là làm mất nhiều cơ hội cạnh tranh của công ty so với các nhà sản xuất trong nước.

Trước những khó khăn đó, với hỗ trợ của các tổ chức tín dụng, sự quyết tâm của Hội Đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và tất cả cán bộ công nhân viên Cuulong Seapro, đoàn kết một lòng phấn đấu vượt qua khó khăn bằng cách tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức thật tinh gọn, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất hợp lý nhằm tăng năng suất lao động, triệt để tiết kiệm định mức chế biến, chi phí sản xuất kinh doanh, củng cố lòng tin với khách hàng truyền thống, tìm thêm khách hàng mới cả đầu vào lẫn đầu ra, công nhân có thu nhập ổn định, tạo được lòng tin của khách hàng và người lao động, tạo được tiền đề vững chắc cho sự phát triển đi lên trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

Giá trị sổ sách tại 31/12/2017

STT	Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2017
1	Tổng tài sản	Đồng	448.477.119.354
2	Tổng nợ	Đồng	341.021.855.120
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	107.455.264.234
4	Tổng số CP lưu hành	CP	8.000.000
5	Giá trị sổ sách mỗi cổ phần	Đồng/CP	10.000

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách, quản lý

Công ty đã xây dựng được cơ cấu tổ chức đi vào hoạt động ổn định, phát huy được chức năng, quyền hạn và tính hiệu quả của các phòng ban.

Các cán bộ chủ chốt được đào tạo các khóa học ngắn hạn cả về chuyên môn lẫn quản lý nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm để đáp ứng đòi hỏi công việc ngày một phức tạp hơn.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của nhà nước và chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu tôm, đào tạo công nhân lành nghề cũng như đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và tuyển thêm nhân sự mới có trình độ cao, nhằm khai thác tối đa nguồn lực và khả năng của Công ty. Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017
Sản lượng sản xuất (tấn)	4,788.05
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	33.92
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	931.50
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	33.07

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018
Sản lượng sản xuất (tấn)	3,900.00
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	42.44
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	963.34
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	42.13

Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018

Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh phát triển đa dạng hoá sản phẩm giữ vững thị trường xuất khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm

Giữ vững uy tín Cửu Long Seapro trên các thị trường lớn là Nhật, Mỹ, EU...

Đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thêm mặt hàng mới và chủ động tìm kiếm thêm khách hàng mới nhằm đẩy mạnh tiêu thụ.

Tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh từ nguồn nguyên liệu mua vào đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn xuất khẩu và khôi phục lại doanh số tại thị trường Nhật.

Tận dụng mọi ưu đãi theo luật định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để phát huy tốt nhất các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Tiếp tục duy trì tốt quan hệ hiện với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để tìm nguồn vốn vay bổ sung vốn lưu động đảm bảo đủ vốn thu mua nguyên liệu trong mùa vụ thu hoạch tôm sú nuôi và phục vụ chế biến hàng xuất khẩu.

Thừa hưởng và phát triển mối quan hệ mua bán đã có qua nhiều năm giữa Cuulong seapro và khách hàng.

Khuyến khích các cổ đông tham gia tìm kiếm khách hàng để tăng thêm nguồn nguyên liệu đầu vào và mở rộng thị trường đầu ra.

Song song với việc mở rộng thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp nghiên cứu phát triển nhiều mặt hàng mới để đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu. Đồng thời mở thêm kênh phân phối tại thị trường nội địa.

Thường xuyên đào tạo, củng cố và tuyển dụng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Công tác thu mua nguyên liệu

Tranh thủ mọi nguồn nguyên liệu, giữ mức tồn kho hợp lý theo từng thời điểm, quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có vì ý kiến của kiểm toán chấp nhận hoàn toàn.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trước bối cảnh khó khăn lớn của ngành trong năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã thể hiện sự nhạy bén, chủ động, linh hoạt trong điều hành, giúp giảm thiểu tối đa các thiệt hại cho Công ty trong hoạt động kinh doanh. Các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng và quyền hạn đã được quy định.

Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát chặt chẽ, liên tục các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thông báo và phối hợp cùng với Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định phù hợp, kịp thời, xử lý nhanh, chính xác các vướng mắc trong kinh doanh, tận dụng các cơ hội thị trường, đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Hoạt động quản lý nhân sự được Ban Tổng giám đốc coi trọng, đã tái cơ cấu nhân sự sắp xếp lại bộ máy tinh gọn, đúng người, đúng việc, đúng khả năng.

Công tác rà soát, đánh giá các rủi ro trong hoạt động kinh doanh nhằm hạn chế những yếu tố gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn các tổn thất từ xa. Các chi phí hoạt động được Ban Tổng Giám đốc chủ động kiểm soát khá tốt.

Công tác chăm sóc, mở rộng, tìm kiếm khách hàng luôn được Ban Tổng Giám đốc chủ động thực hiện trong năm 2015, nhằm tạo nền tảng tốt trong các năm tiếp theo. Luôn theo sát, nghiên cứu nhu cầu thị trường để đưa ra các dòng sản phẩm mới phù hợp thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng.

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

3. Mục tiêu và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018:

Phân tích, đánh giá hết những nguyên nhân tồn tại trong hoạt động SXKD năm 2017, triệt để rút kinh nghiệm trong năm 2018. Xây dựng kế hoạch ứng phó và phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm kinh doanh đạt hiệu quả gia tăng lợi nhuận.

3.1. Tiếp tục hoàn thiện và củng cố cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý:

- Công ty sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các Quy chế, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý... Các quy chế như: Quy chế về hoạt động sáng kiến, Quy chế phân phối tiền lương, Quy chế đào tạo nguồn nhân lực... sẽ tiếp tục được cập nhật hoàn thiện hơn. Việc cung cấp

thông tin cho công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời, minh bạch cũng là một nhiệm vụ trọng tâm mà Công ty hướng tới.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, đặc biệt là về chính sách tiền lương nhằm đảm bảo thu hút và giữ chân người lao động, góp phần ổn định nhân sự, đáp ứng đầy đủ và hiệu quả cho hoạt động của Công ty trong năm 2018.

3.2. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh phát triển đa dạng hoá sản phẩm giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu, thị trường nội địa:

- Giữ vững uy tín Cửu Long trên thị trường lớn là thị trường Mỹ và Nhật, EU.
- Cải thiện và nâng cao hiệu quả trong công tác chăm sóc khách hàng đảm bảo giữ được khách hàng truyền thống và tìm thêm khách hàng mới.
- Đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thêm mặt hàng mới, các mặt hàng truyền thống và chủ động tìm kiếm thêm khách hàng mới nhằm đẩy mạnh thị trường tiêu thụ, tăng sản lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu.

3.3. Tăng cường hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm:

- Tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh từ nguồn nguyên liệu đầu vào đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu của từng khách hàng, thị trường. Tập trung nghiên cứu kỹ tất cả các phụ kiện kỹ thuật của từng hợp đồng, từng khách hàng, từng thị trường để đảm bảo thực hiện đúng và sát với tiêu chuẩn của phụ kiện kỹ thuật nhằm đảm bảo ổn định về chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

- Giám sát trên qui trình: đánh giá chất lượng nguyên liệu ngay từ đầu để từ đó có hướng giám sát cụ thể cho từng công đoạn kế tiếp nhằm hạn chế tối đa những sai lỗi phát sinh.

- Kiểm tra đánh giá tổng quan lô hàng trước khi xuất về các yêu cầu: cảm quan, bao bì. Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các rủi ro sau khi đã xuất lô hàng. Kiểm soát chặt chẽ từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

3.4. Nâng cao hiệu quả công tác thu mua nguyên liệu –quản lý sản xuất

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện nhằm đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng và kích cỡ nguyên liệu để phục vụ cho hoạt động sản xuất; đảm bảo việc mua hàng, bán hàng, tồn kho luôn đáp ứng mọi yêu cầu của thị trường.

- Quản lý và cải tiến trong sản xuất đặc biệt quản lý tốt định mức sản xuất, tranh thủ mọi nguồn nguyên liệu, giữ mức tồn kho hợp lý theo từng thời điểm, quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.5. Chú trọng công tác quản trị, quản lý tài chính:

- Xây dựng kế hoạch đáp ứng đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty, có kế hoạch dự phòng rủi ro để đảm bảo ổn định về nguồn vốn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm quản lý chặt chẽ dòng tiền và các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

3.6. Củng cố, nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông:

- Trong năm 2018, Công ty sẽ tích cực xây dựng lại hình ảnh và thương hiệu Cuulong Seapro, củng cố lại uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng trong và ngoài nước. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát nhằm duy trì và ổn định chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo sản phẩm của Công ty luôn đáp ứng yêu cầu của từng thị trường, khách hàng góp phần lấy lại đà tăng trưởng và phát triển bền vững trong năm 2018 và những năm tiếp theo nhằm mang lại lợi nhuận cho cổ đông - các nhà đầu tư/góp vốn cho Cuulong Seapro trong suốt những năm qua.

S.Đ

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát

Giao dịch cổ phiếu

Quan hệ cổ đông

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 cuộc họp định kỳ theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư. Bên cạnh đó, tổ chức các cuộc họp bất thường và các cuộc họp về vay vốn để giải quyết các vấn đề khi cần thiết để phục vụ công tác quản trị và sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Thanh Tân	Chủ tịch HĐQT	9	100%	
2	Ông Trần Thanh Lẽ	Thành viên HĐQT	9	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	9	100 %	
4	Ông Huỳnh Văn Hương	Thành viên HĐQT	9	100%	
5	Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	3	33%	Đã từ nhiệm thành viên HĐQT từ 23/08/2017

Các văn bản do hội đồng quản trị được ban hành kịp thời và dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị còn được thông qua công tác kiểm toán định kỳ hằng năm.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện điều lệ, tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHCD, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Thực hiện nhiệm vụ định hướng hoạt động của Công ty, thực hiện giám sát và chỉ đạo, định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty. Qua các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã có những quyết định hoặc định hướng nhằm giúp ban điều hành Công ty có cơ sở thực hiện nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hoạt động giám sát của HĐQT Công ty đối với Tổng giám đốc và các cấp quản lý

- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng thông qua.
- Thông qua kiểm tra, giám sát và công tác kiểm toán định kỳ cho thấy việc sử dụng vốn của Công ty đúng mục đích.
- Duyệt và chỉ đạo thực hiện công tác huy động vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty nhằm phục vụ tốt nhất việc điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.
- Hiện tại Công ty đang thực hiện việc sắp xếp và cơ cấu lại bộ máy tổ chức để đảm bảo tinh gọn và hiệu quả; xem xét lại nhân sự của từng phòng ban, bộ phận để bố trí công việc phù hợp cho từng nhân viên nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc được phân công. Nhân sự được tiết giảm ở từng phòng ban thuộc khối văn phòng sẽ được điều động đến tăng cường cho hoạt động sản xuất của Nhà máy đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả công việc của từng phòng ban.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành hoạt động theo điều lệ, quy chế HĐQT và quy chế quản trị của Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có các tiểu ban Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	09/BB/HĐQT	31/03/2017	V/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Trà Vinh.
2	11/BB/HĐQT	11/04/2017	V/v vay vốn Ngân Hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ.
3	13/BB/HĐQT	09/05/2017	V/v vay vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển CN Trà Vinh.
4	21/BB/HĐQT	23/08/2017	V/v xem xét đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Nguyễn Ngô Vi Tâm.
5	22/NQ/HĐQT	23/08/2017	V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT
6	23/BB/HĐQT	24/08/2017	V/v vay vốn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh.
7	24/BB/HĐQT	28/08/2017	V/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Trà Vinh.
8	26/BB/HĐQT	18/11/2017	HĐQT triển khai xem xét tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2017.
9	27/NQ/HĐQT	18/11/2017	V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017

Ban Kiểm soát

I/ Hoạt động của Ban kiểm soát:

1./ Công tác đã thực hiện:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ và tham gia tất cả các các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty;

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2017 cụ thể như sau:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và của Ban Giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của Pháp luật và của Công ty.

- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra phân tích báo cáo quyết toán quý năm; quản lý sử dụng vốn; chi phí giá thành; đầu tư dài hạn; đầu tư tài chính; hiệu quả kinh doanh và một số vấn đề liên quan đến điều hành.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp luật.

Trong năm 2017 BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Thù lao của Ban kiểm soát được tính chung với Hội đồng quản trị theo số tuyệt đối đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất phân phối cho từng thành viên.

2./ Kế hoạch định hướng năm 2018:

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp;

- Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát các mặt quản lý sử dụng vốn;

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

II. Kết quả giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản trị, điều hành của HĐQT và BĐH.

Thực hiện Điều 165 Luật doanh nghiệp Số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội, Ban kiểm soát đánh giá về quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:

Qua quá trình giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, tổ chức thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, thông qua việc kiểm soát các chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ, công tác kinh doanh hướng đến mục tiêu khắc phục lỗ và kinh doanh phải có lãi.

Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và các thành viên BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành Công ty khắc phục được tình trạng thua lỗ.

Ban kiểm soát không nhận thấy những dấu hiệu thể hiện hành vi gian lận, vụ lợi trong Công ty.

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017

Đơn vị: đồng

1	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
1	Ông Trương Thanh Tân	Chủ tịch HĐQT	262.070.000	
2	Ông Trần Thanh Lễ	Thành viên HĐQT	60.000.000	
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	42.000.000	
4	Ông Huỳnh Văn Hương	Thành viên HĐQT	30.000.000	
5	Hứa Thành Lập	Thành viên HĐQT	30.000.000	
6	Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên HĐQT	40.000.000	
	Tổng cộng		464.070.000	
2	Ban kiểm soát			
1	Bà Phan Thị Tiến	Trưởng Ban BKS	48.000.000	
2	Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên BKS	12.000.000	
3	Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên BKS	15.000.000	
	Tổng cộng		75.000.000	

Giao dịch cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đoàn Thị Hòa	Người có liên quan	0	0%	957.734	11.97%	Mua

Nhận xét

Năm 2017, Hội đồng quản trị của Cty CP Thủy sản Cửu Long đã thực hiện tốt tất cả các nội dung theo các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Không có nội dung nào chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Quan hệ cổ đông

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa Công ty và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Việc kết nối hệ thống Ezsearch với sự hỗ trợ của CTCP Chứng khoán FPT đã tạo ra một cổng thông tin đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu và phân tích của các nhà đầu tư quan tâm đến CuuLong seapro.

<http://www.cuulongseapro.vn/index.php?module=news&function=thongbao&flag=1>

hoặc: <http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1119>

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Đính kèm báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán gồm: Ý kiến kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính

Quý cổ đông và nhà đầu tư có thể xem toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán 2017 của Công ty theo đường dẫn sau:

<http://www.cuulongseapro.vn/index.php?module=news&function=thongbao&flag=1>

hoặc <http://ezsearch.fpts.com.vn/Services/EzData/default2.aspx?s=1119>

CÔNG TY CP THỦY SẢN CỬU LONG ^{thul}



Trưởng Giám đốc

Trần Thanh Lễ

Số: 105.../BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**

- Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long được lập ngày 31/01/2018 từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam****Phó Tổng Giám đốc****TRÁCH NHIỆM HỮU HIỆN****DỊCH VỤ TƯ VẤN****TÀI CHÍNH KẾ TOÁN****VÀ KIỂM TOÁN****PHÍA NAM****QUẢN LÝ - TP. HỒ CHÍ MINH****LÊ VĂN TUẤN****Số Giấy CN ĐKHN KT: 0479-2018-142-1****Kiểm toán viên****NGUYỄN THỊ THẢO****Số Giấy CN ĐKHN KT: 2626-2018-142-1**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		412.725.177.598	159.727.407.570
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.598.244.988	14.952.067.955
1. Tiền	111		15.248.244.988	8.952.067.955
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.350.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	52.829.513.889	14.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		52.829.513.889	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.782.726.432	56.359.315.369
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	115.141.670.928	50.492.385.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.500.000	115.482.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	12.994.242.781	6.143.135.188
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(391.687.277)	(391.687.277)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	193.586.796.021	70.439.122.450
1. Hàng tồn kho	141		195.158.632.192	73.257.824.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.571.836.171)	(2.818.701.741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.927.896.268	3.976.901.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	112.598.126	957.795.201
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.815.298.142	2.933.683.835
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13		85.422.760
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.751.941.756	38.057.666.186
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		26.116.618.821	32.049.906.564
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	26.044.840.188	31.976.309.535
- Nguyên giá	222		133.136.691.559	132.477.031.559
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(107.091.851.371)	(100.500.722.024)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	71.778.633	73.597.029
- Nguyên giá	228		90.920.000	90.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19.141.367)	(17.322.971)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1.109.885.666	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.109.885.666	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	3.175.150.209	4.555.203.790
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		296.600.000	296.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.621.441.711)	(6.241.396.210)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.350.278.980	1.452.555.832
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5.114.503.554	1.029.750.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	235.775.426	422.805.261
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		448.477.119.354	197.785.073.756

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		341.021.855.120	107.209.620.788
I. Nợ ngắn hạn	310		341.021.855.120	107.209.620.788
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8.709.535.646	11.666.894.504
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			2.049.340.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	350.066.866	63.542.149
4. Phải trả người lao động	314		8.332.852.636	9.289.669.958
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.906.379.537	1.909.687.222
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	987.522.495	9.876.104.958
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	319.404.340.542	72.023.223.800
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		331.157.398	331.157.398
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

00307
CÔNG T
CỔ PH
THỦY S
CỬU L
VINH
3050117
CÔNG
H NHIỆM
CH VỤ T
CHÍNH K
VÀ KIỂM
PHIA N
T.P.H

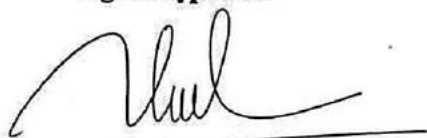
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.455.264.234	90.575.452.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	107.455.264.234	90.575.452.968
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		27.326.000.000	27.326.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		129.264.234	(16.750.547.032)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(16.750.547.032)	(30.262.324.303)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.879.811.266	13.511.777.271
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		448.477.119.354	197.785.073.756

Người lập biểu



Phạm Thị Huyền Diệu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đông Hải

Tỉnh Trà Vinh, ngày 31 tháng 01 năm 2018



Tổng Giám đốc



Trần Thanh Lễ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	933.924.070.256	624.805.122.360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.424.993.335	7.804.785.210
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		931.499.076.921	617.000.337.150
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	876.917.511.055	577.036.096.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.581.565.866	39.964.240.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.276.758.796	3.108.463.370
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.632.681.236	4.391.093.642
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.533.372.122	2.295.145.419
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	23.250.275.852	13.678.345.616
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.172.769.065	12.178.133.942
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.802.598.509	12.825.130.402
11. Thu nhập khác	31	VI.8	17.298.061.430	2.340.284.075
12. Chi phí khác	32	VI.9	33.818.838	515.073.086
13. Lợi nhuận khác	40		17.264.242.592	1.825.210.989
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.066.841.101	14.650.341.391
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	187.029.835	1.138.564.120
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.879.811.266	13.511.777.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	4.110	1.689

Tỉnh Trà Vinh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Huyền Diệu



Nguyễn Đông Hải



Đông Giám đốc

Trần Thanh Lễ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.066.841.101	14.650.341.391
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.563.792.155	9.330.244.342
- Các khoản dự phòng	03		133.179.931	(7.225.020.790)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		74.005.851	317.086.302
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.820.833.870)	(251.494.943)
- Chi phí lãi vay	06		5.533.372.122	2.295.145.419
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.550.357.290	19.116.301.721
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.866.155.598)	(19.609.412.202)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(121.900.808.001)	(12.075.381.395)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.973.127.322)	15.896.076.774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.239.555.908)	(1.522.304.862)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.383.761.210)	(2.281.051.849)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(11.870.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(189.813.050.749)	(487.641.813)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.965.885.666)	(2.210.709.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16.964.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.829.513.889)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.482.615.567	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.348.783.988)	(16.210.709.090)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	865.122.309.477	437.355.085.052
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(617.554.758.360)	(421.999.313.538)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.745.366.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		231.822.185.117	15.355.771.514
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.660.350.380	(1.342.579.389)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.952.067.955	16.262.191.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14.173.347)	32.456.004
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		33.598.244.988	14.952.067.955

Tỉnh Trà Vinh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Huyền Diệu



Nguyễn Đông Hải



Trần Thanh Lễ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long

